

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HSST

Ngày: 18/8/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HƯNG YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Miện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Minh Tiếp

Ông Nguyễn Quốc Doanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Đích - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Văn Giang

- Đại diện VKSND huyện Văn Giang tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Lan - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24 /2022/TLST- HS ngày 01 tháng 6 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HS ngày 18/7/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST-HS ngày 01/8/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HS ngày 11/8/2022 đối với:

*** Bị cáo: Đàm Văn N**, sinh năm: 1992 tại huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông Đàm Văn T, sinh năm 1962 và bà Trần Thị V, sinh năm 1961; Vợ là Đặng Thị Nh, sinh năm 1999; con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Lý Trọng H, sinh năm: 1965 (đã chết)

- Anh Lê Đức H1, sinh năm: 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

*** Người đại diện hợp pháp của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Trọng H:**

- Cụ Nguyễn Thị M, sinh năm: 1925 (mẹ của ông H) (Vắng mặt)
- Bà Đào Thị L, sinh năm: 1966 (vợ của ông H) (Vắng mặt)
- Anh Lý Đức H2, sinh năm: 1992 (Con của ông H) (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

- Chị Lý Thị H3, sinh năm: 1988 (Con của ông H) (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y, xã T, huyện M, thành phố Hà Nội.

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Như Phương Thượng, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Đàm Thị H4, sinh năm: 1969 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Hoà Bình Hạ, xã T, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 03/3/2019 đến ngày 23/3/2019, tại nhà ông Lý Trọng H sinh năm 1965, ở thôn B, xã T, huyện V; Đàm Văn N sinh năm 1992, ở thôn H, xã T, huyện V đã 3 lần cho ông H vay tiền với tổng số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày (tương đương với 0,5%/1 ngày = 182,5%/ 1 năm). Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, lãi suất cho vay tối đa là 20%/năm, tức là chỉ tương ứng 547,95 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Mức lãi suất N cho ông H vay cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định, tổng số tiền N thu lời bất chính là 36.397.260đ cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 03/3/2019, N cho ông H vay 10.000.000đ, N thu luôn 500.000đ tiền lãi của 10 ngày đầu nên chỉ đưa cho ông H 9.500.000đ. Tính đến ngày 30/4/2019 là 59 ngày, N đã thu của ông H số tiền lãi là 3.000.000đ.

Số tiền lãi được hưởng theo quy định được tính theo công thức:

Tiền lãi hợp pháp = (số dư thực tế x Số ngày duy trì số dư thực tế x 20%)/365.

Tiền lãi bất hợp pháp = Số tiền lãi tính cho người vay - Tiền lãi hợp pháp.

Theo công thức trên thì số tiền lãi hợp pháp N được thu là: $(10.000.000đ \times 59 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 323.288 \text{ đồng}$, lãi bất hợp pháp = $3.000.000đ - 323.288đ = 2.676.712đ$.

Lần thứ hai: Ngày 18/3/2019, N cho ông H vay 20.000.000đ, N thu lãi 1.000.000đ của 10 ngày đầu, nên chỉ đưa cho ông H 19.000.000đ. Tính đến ngày 30/4/2019 là 44 ngày, N đã thu của ông H số tiền lãi là 4.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi N được thu là: $(20.000.000đ \times 44 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 482.192đ$, tiền lãi bất hợp pháp cũng là số tiền N thu lời bất chính là: $4.000.000đ - 482.192đ = 3.517.808đ$.

Lần thứ ba: Ngày 23/3/2019, N cho ông H vay 20.000.000đ, N thu lãi 1.000.000đ của 10 ngày đầu, nên chỉ đưa cho ông H 19.000.000đ. Tính đến ngày 30/4/2019 là 39 ngày, N đã thu của ông H số tiền lãi là 4.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi N được thu là: $(20.000.000đ \times 39 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 427.397đ$, tiền lãi bất hợp pháp cũng là số tiền N thu lời bất chính là: $4.000.000đ - 427.397đ = 3.572.603đ$.

Từ ngày 01/5/2019, N và ông H thống nhất tính lãi chung của tổng số tiền vay là 50.000.000đ. Ông H trả lãi từ ngày 01/5/2019 đến hết ngày 31/8/2019 là 123 ngày là 30.000.000đ. Trong đó, số tiền lãi N được thu là: $(20.000.000đ \times 123 \text{ ngày} \times 20\%)/365 = 3.369.863đ$, tiền lãi bất hợp pháp cũng là số tiền N thu lời bất chính là: $30.000.000 - 3.369.863đ = 26.630.137đ$.

Từ cuối tháng 9/2019, ông H đi khỏi địa phương nên không thanh toán trả nợ được cho N. Trong năm 2020, N nhiều lần đến nhà ông H đòi số tiền 50.000.000đ nhưng đều không gặp ông H mà chỉ gặp vợ và con trai của ông H. Đến tháng 01/2021, N biết ông H đã về nhà nên đến đòi tiền nhưng ông H không có khả năng trả và đã khất nợ. Đến khoảng cuối tháng 4/2021, do ông H không trả được nợ nên N nảy sinh ý định ném chất bẩn vào nhà ông H. N mua 01 chai mắm tôm và 01 lọ thuốc trừ sâu mang về nhà trộn lẫn thành dung dịch rồi cho vào các vỏ chai bia. Sau đó N cầm 04 chai bia chứa dung dịch nói trên đến ném vào phía trước nhà của ông H nhưng không gây thiệt hại gì. Tiếp đó đến ngày 20/6/2021, N nhắn tin vào điện thoại của ông H với nội dung “ăn cút nhé con” để gây sức ép buộc ông H phải trả tiền cho N. Ngày 22/6/2021, N tiếp tục cầm các chai bia chứa dung dịch trộn sẵn (mà lần trước còn lại) ném vào cửa lán và mái nhà làm vỡ 01 tấm nhựa, bẹp 1 tấm tôn.

Ngày 06/7/2021, ông H có đơn trình báo với Công an xã T. Công an xã T đã đến nhà của ông H để xem xét, thu giữ được 02 vỏ chai bia Hà Nội miệng chai buộc nilon và một số mảnh vỡ của vỏ chai. Ngày 07/7/2021, Công an xã T chuyển

hồ sơ vụ việc cùng với vật chứng đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Giang đề nghị giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đàm Văn N thu giữ: 02 cuốn sổ ghi giấy biên nhận vay tiền in chữ Dịch vụ cầm đồ ABC. Kiểm tra nội dung trong 02 cuốn sổ thể hiện: Có 03 trang ghi nội dung liên quan đến việc ông Lý Trọng H vay tiền của N cụ thể là: Ngày 23/7/2019 ông H vay 25.000.000đ hẹn trả là ngày 23/8/2019; ngày 09/8/2019 ông H vay 10.000.000đ và ngày 28/9/2019 ông H vay 50.000.000đ.

Ngày 20/10/2021, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Văn Giang đã trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông Lý Trọng H trong 03 trang giấy biên nhận tiền. Tại bản kết luận giám định số 268 ngày 30/10/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên xác định: chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận vay tiền là do ông Lý Trọng H ký và viết ra.

Ngoài ra có nhiều trang trong sổ thể hiện N cho một số người khác vay tiền vào các năm 2018 và 2019, cụ thể:

- Anh Đàm Xuân Th, sinh năm 1986, trú tại: thôn 7, xã X, huyện V vay 10.000.000đ; Anh Nguyễn Văn H5, sinh năm 1983, trú tại: thôn H, xã T vay 20.000.000đ; Anh Đào Trọng H6, sinh năm 1986, trú tại: thôn H, xã C, huyện V vay 60.000.000đ; Anh Hoàng Trọng B, sinh năm 1983, trú tại: thôn H, xã T, huyện V vay 95.000.000đ; Chị Dương Thị N, sinh năm 1984, trú tại: thôn N, thị trấn N, huyện V vay 100.000.000đ; Anh Hoàng Văn Ch, sinh năm 1998, trú tại: thôn Đ, xã T vay 90.000.000đ; Anh Trần Mạnh C, sinh năm 1986, trú tại: thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Hưng Yên vay 20.000.000đ; Ông Đào Tất B1, sinh năm 1958, trú tại: thôn B, xã T vay 40.000.000đ. Đàm Xuân Th, Đào Trọng H6, Hoàng Trọng B, Dương Thị N khai vay tiền của N với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/ngày, Nguyễn Văn H5 khai vay của N với lãi suất 1.500đ/1.000.000đ/ngày nhưng giấy vay tiền không ghi lãi suất, không có người chứng kiến việc thỏa thuận và trả tiền lãi, Đàm Văn N khai cho những người này vay không có lãi. Sau đó, cơ quan điều tra tiếp tục triệu tập những người này đến làm việc nhưng họ đều từ chối tham gia đối chất với N hoặc không giao được giấy triệu tập cho họ vì họ không có nhà, gia đình và chính quyền địa phương không biết họ đang ở đâu.

- Nguyễn Thành A, Phạm Văn H, Nguyễn Anh T, Lê Thị H, Cao Thị H, Hoàng Thị N, Hoàng Văn Q, Cao Thị Thu H, Lý Mạnh T, Nguyễn Quốc H, Chu Thị M, Phạm Văn T, Phạm Như Q, Trần Quang T, Hoàng Minh T, Đào Tất Th, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn D, Đàm Văn H, Lê Văn T, Trần Văn T, Đàm Văn T, Nguyễn Tuấn Ph. Cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng chưa làm việc được với những người

này vì họ không có nhà, gia đình và chính quyền địa phương xác nhận không biết họ đang ở đâu nên chưa có căn cứ xử lý đối với các giao dịch cho vay tiền này của N.

- Đoàn Thị Tr, Đặng Thị S, Cao Thị Thu H, Phạm Xuân T, Đào Trung T, cơ quan điều tra đã xác minh theo địa chỉ ghi trong giấy vay nợ nhưng chính quyền địa phương xác định không có ai có họ tên trên đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nên chưa có căn cứ xử lý đối với các giao dịch dân sự này.

- Đàm Văn Th từ chối cung cấp việc vay tiền của N; Phạm Thị Ph, Phạm Thị P khẳng định không vay tiền của N hay ai khác vào khoảng thời gian trên nên chưa có căn cứ xử lý đối với các giao dịch dân sự này.

Tại cơ quan điều tra, N đã thừa nhận toàn bộ diễn biến hành vi cho ông H vay tiền và thu lãi như đã nêu trên và xác định: Khi cho ông H vay tiền thì không có ai biết, không viết giấy; khi hết thời hạn vay 2 tháng, ông H không trả được nợ, nên ông H đã tự ghi vào sổ để đưa về cho vợ ông H biết mà trả tiền thay cho ông H. Còn các khoản cho vay khác đối với những người vay nêu trên có trong sổ vay nợ thì N không lấy lãi.

Quá trình làm việc với ông H xác định: Trong năm 2019 ông H đã vay tiền của N 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000đ, lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, N thu trước tiền lãi mỗi lần giao tiền cho vay và tổng số tiền lãi ông H đã trả cho N khoảng 50.500.000đ. Ngày 09/11/2021 ông H chết do mắc bệnh hiểm nghèo, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H là: bà Đào Thị L -vợ ông H, cụ Nguyễn Thị M - Mẹ đẻ ông H, chị Lý Thị H3, anh Lý Đức H2 - con đẻ ông H là người đại diện theo pháp luật của ông H tham gia tố tụng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Văn Giang đã yêu cầu định giá tài sản đối với 01 tấm nhựa, 01 tấm tôn bị N ném gây hư hỏng. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Giang kết luận: 01 tấm nhựa kích thước 20cm x 30cm bị hư hỏng, thiệt hại 35.000đ; 01 tấm tôn kích thước 1,7cm x 0,1cm và 1,5cm x 0,3cm gò nắn sử dụng lại được nên không thiệt hại.

Hành vi của N ném vỏ chai bia chứa dung dịch trộn lẫn thuốc trừ sâu và mầm tôm vào nhà ông H trong tháng 4 và tháng 6/2021, Công an huyện Văn Giang đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với N là phù hợp.

Tại giấy biên nhận vay tiền đối với khoản vay của anh Phạm Văn H, chị Lê Thị H, chị Cao Thị H có ghi chủ cửa hàng là Lê Đức H1. Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh H, chị H, chị H vì không xác định được họ đang ở đâu. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Lê Đức H1 thì H1 không thừa nhận cho những người trên vay tiền. Cơ quan điều tra đã tách các giao dịch cho vay tiền giữa N và những người có danh sách nêu trên theo các giấy biên nhận vay tiền trong 02 quyển sổ thu giữ tại nhà N để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Quá trình điều tra, bị cáo N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 30/CT-VKSVG ngày 31/05/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang đã truy tố bị cáo Đàm Văn N về tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Đàm Văn N thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt. Đối với số tiền gốc 50.000.000 đồng bị cáo cho ông H vay và ông H chưa trả, ông H đã chết nên bị cáo tự nguyện không yêu cầu ông H phải trả số tiền này và tự nguyện nộp 50.000.000 đồng sung quỹ nhà nước vì đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang giữ nguyên quan điểm đã truy tố như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đàm Văn N phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*”

Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo N từ 70.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 357, 579, 580, 468 của Bộ luật dân sự. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải trả lại cho người đại diện hợp pháp của ông H số tiền 36.397.260 đồng. Trường hợp bị cáo chậm thi hành nghĩa vụ trả lại tiền cho người đại diện hợp pháp của ông H thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 BLDS.

Về các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a, b khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo N về việc nộp số tiền 50.000.000 đồng tiền nợ gốc bị cáo đã cho ông H vay sung Ngân sách nhà nước, truy thu của bị cáo số tiền lãi thu được theo quy định của Bộ luật dân sự là 4.602.740 đồng sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi tố tụng, Quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo và đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt họ. Xét thấy những người tham gia tố tụng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án nên HĐXX căn cứ khoản 1 điều 292, khoản 1 điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2]. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Trọng H về khoảng thời gian cho vay, tổng số tiền vay, lãi suất vay và thời gian trả lãi, phù hợp với giấy vay nợ ông H ghi do N giữ trong quyển sổ thu giữ tại nhà N về việc chốt tổng số tiền N cho ông H vay là 50.000.000 đồng. Ông H không nhớ chính xác số tiền lãi trả cho N, chỉ khoảng 50.500.000đ, nhưng căn cứ số tiền vay, lãi suất, số tiền lãi N khai đã thu và ông H khai đã trả cho N, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được Cơ quan điều tra thu thập theo qui định của pháp luật thì có đủ cơ sở khẳng định N đã cho ông H vay tiền và tính lãi suất như bản cáo trạng đã nêu. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận: Với mục đích thu lợi bất chính, từ ngày 03/3/2019 đến ngày 23/3/2019, tại nhà ông Lý Trọng H sinh năm 1965, ở thôn Bá Khê, xã T, huyện Văn Giang; Đàm Văn N đã cho ông H vay tiền 03 lần với tổng số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5.000đ/1 triệu đồng/1 ngày (tương đương với 0,5%/1 ngày = 182,5%/ 1 năm, cao gấp 9,125 lần so với mức lãi suất cao nhất mà Bộ luật dân sự quy định, tổng số tiền N thu lời bất hợp pháp đến ngày 31/8/2019 là 36.397.260đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang truy tố bị cáo về tội danh và áp dụng điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, cụ thể là xâm phạm trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây nguy hiểm cho xã hội, làm gia tăng các loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức được việc cho vay với lãi suất cao như trên là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật nên cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra để cải tạo, dẫn dắt, giáo dục.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, phạm tội lần đầu nên chỉ cần áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm bị cáo thu của ông H tổng cộng 36.397.260 đồng là khoản tiền bị cáo thu trái pháp luật của người vay nên cần buộc bị cáo trả lại ông H. Ông H đã chết nên bị cáo phải trả lại những người đại diện theo pháp luật của ông H số tiền này.

[5]. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng bị cáo sử dụng để cho ông H vay và chưa thu về. Ông H đã chết nên bị cáo không yêu cầu ông H trả lại bị cáo số tiền này và tự nguyện nộp 50.000.000 đồng là phương tiện phạm tội trên sung ngân sách nhà nước nên chấp nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

- Đối với số tiền lãi trong giới hạn pháp luật cho phép (20%/năm) mà bị cáo đã thu từ giao dịch cho ông H vay tiền là 4.602.740 đồng là tiền phát sinh từ phạm tội nên cần tịch thu của bị cáo nộp Ngân sách nhà nước.

- 02 quyển sổ ghi giấy biên nhận vay tiền là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội, ngoài ra còn ghi các giao dịch cho vay tiền giữa N và những người khác chưa được làm rõ nên cần tịch thu lưu giữ trong hồ sơ.

[6]. Các vấn đề khác:

- Công an huyện Văn Giang đã xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi ném vỏ trái bia chứa dung dịch trộn lẫn thuốc trừ sâu và mầm tôm vào nhà ông H trong tháng 4 và tháng 6 năm 2021 của N là phù hợp nên HĐXX không xem xét.

- Lê Đức H1 và N khẳng định H1 cho N 02 quyển sổ in giấy vay tiền, không liên quan đến việc N cho vay tiền, ngoài ra không có chứng cứ nào khác nên không có căn cứ xác định H1 đồng phạm với N trong hành vi này.

- Toàn bộ các giao dịch về việc cho vay tiền giữa N và những người khác gồm: Đàm Xuân Th, Nguyễn Văn H5, Đào Trọng H6, Hoàng Trọng B, Dương Thị N, Hoàng Văn Ch, Trần Mạnh C, Đào Tất B, Nguyễn Thành A, Phạm Văn H, Nguyễn Anh T, Lê Thị H, Cao Thị H, Hoàng Thị N, Hoàng Văn Q, Cao Thị Thu H, Lý Mạnh T, Nguyễn Quốc H, Chu Thị M, Phạm Văn T, Phạm Như Q, Trần Quang T, Hoàng Minh T, Đào Tất Th, Nguyễn Văn D, Hoàng Văn D, Đàm Văn H, Lê Văn T, Trần Văn T, Đàm Văn T, Nguyễn Tuấn P, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Văn Giang đã điều tra, xác minh nhưng đều thuộc các trường hợp không xác định được người vay, người vay không có mặt tại địa phương, không làm việc được với người vay, người vay khai N cho vay lãi suất cao nhưng sau đó lại từ chối đối chất và không còn chứng cứ nào khác chứng minh lời khai của họ nên chưa có căn cứ xử lý đối với N về các hành vi này. Cơ quan điều tra đã tách các giao dịch này để tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý sau là phù hợp nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Đối với Trần Quốc M, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. N khai có một số lần N nhờ M đi đòi lãi hộ đối với khoản vay của ông H mà không phải trả công cho M, N khẳng định M không liên quan gì đến việc N cho ông H vay tiền và tính lãi suất cao đối với ông H. Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa làm việc được với Mạnh nên không có căn cứ xử lý M trong vụ án này.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Điểm a, b khoản 1 điều 46; điểm a, b khoản 1 điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự;

- Điều 357, 579, 580, 468 của Bộ luật dân sự;

- Khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Khoản 1 điều 292; Khoản 1 điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố bị cáo Đàm Văn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

3. Mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Đàm Văn N 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

5. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đàm Văn N phải hoàn trả số tiền thu lợi bất chính là 36.397.260 (ba mươi sáu triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi) đồng cho những người đại diện theo pháp luật của ông H gồm: cụ Nguyễn Thị M, bà Đào Thị L, anh Lý Đức H2, chị Lý Thị H3.

6. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu số tiền lãi 20%/năm mà bị cáo đã thu từ giao dịch cho ông H vay tiền là 4.602.740 đồng sung quỹ nhà nước. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo về việc tự nguyện nộp số tiền đã cho ông H vay (nợ gốc) 50.000.000 đồng sung quỹ nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp sung quỹ nhà nước là 54.602.740đ (Năm mươi tư triệu sáu trăm linh hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

- 02 quyển sổ ghi giấy biên nhận vay tiền là tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội, ngoài ra còn ghi các giao dịch cho vay tiền giữa N và những người khác chưa được làm rõ nên cần tịch thu lưu giữ trong hồ sơ.

6. Về án phí: Buộc bị cáo Đàm Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 1.820.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Đàm Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA - TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện V;
- VKS huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MIỆN